

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 84/2019/HNGĐ-ST.

Ngày 11/7/2019.

“V/v không công nhận là vợ chồng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Kam Ênuôl

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Cẩm;

2. Bà Phạm Thị Tuyết Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Vi – Thư ký Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mười Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 11/7/2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 202/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2019 về việc *“Xin không công nhận là vợ chồng”*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2019/QĐXXST- HNGĐ, ngày 28 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lại Thị Bạch T, sinh năm 1975

Địa chỉ: 33 A, phường T, TP B, Tỉnh Đắk Lắk – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Hồ Hữu H, sinh năm 1969

Địa chỉ: 33 A, phường T, TP B, Tỉnh Đắk Lắk – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn bà Lại Thị Bạch T trình bày nội dung như sau:

Tôi và ông Hồ Hữu H tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau. Chúng tôi về chung sống với nhau từ năm 1991 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống vợ chồng sống chung được thời gian thì vợ chồng tôi xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng có xảy ra cãi vã. Vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 01 năm 2019 cho đến nay. Cuộc sống gia đình không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nguyên vọng của tôi là mong muốn Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa tôi và ông Hồ Hữu H.

Về con chung: Chúng tôi có 04 con chung là: Cháu Hồ Hữu C, sinh năm 1993; Cháu Hồ Thị Hương D, sinh năm 1994; Cháu Hồ Thị Hương Q, sinh năm 1996; Cháu Hồ Thị Mỹ U, sinh năm 1999. Hiện nay các con đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải bị đơn ông Hồ Hữu H trình bày:

Tôi và bà lại Thị Bạch T tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau. Chúng tôi về chung sống với nhau từ năm 1991 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống vợ chồng sống chung được thời gian thì vợ chồng tôi xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng có xảy ra cãi vã, cuộc sống không hòa hợp. Vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 01 năm 2019 cho đến nay. Cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Nguyên vọng của tôi là mong muốn Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa tôi và bà lại Thị Bạch T.

Về con chung: Chúng tôi có 04 con chung là: Cháu Hồ Hữu C, sinh năm 1993; Cháu Hồ Thị Hương D, sinh năm 1994; Cháu Hồ Thị Hương Q, sinh năm 1996; Cháu Hồ Thị Mỹ U, sinh năm 1999

Hiện nay các con đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột có ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thẩm phán chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng như phía đương sự chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: bà Lại Thị Bạch T và ông Hồ Hữu H tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 1991 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng sống chung được thời gian thì vợ chồng tôi xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng có xảy ra cãi vã. Bà T và ông H đã sống ly thân nhau từ tháng 01 năm 2019 cho đến nay. Nguyên vọng của của bà T và ông H là yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng. Về con chung: Có 04 con chung và đều đã trưởng thành không bị mất, hạn chế năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Về tài sản chung: không có nên không đề

cập xem xét giải quyết. Nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 14, Điều 15 luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lại Thị Bạch T, không công nhận quan hệ giữa bà Lại Thị Bạch T và ông Hồ Hữu H là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về trình tự thủ tục tố tụng: Xét thấy các đương sự đều chấp hành quy định pháp luật và có mặt đầy đủ theo giấy triệu tập của Tòa án, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đương sự đều không yêu cầu Tòa án hòa giải và có đơn xét xử vắng mặt tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Lại Thị Bạch T và ông Hồ Hữu H là quan hệ hôn nhân không hợp pháp, bà Lại Thị Bạch T và ông Hồ Hữu H chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 1991 nhưng không đăng ký kết hôn. Nay nguyện vọng của bà Lại Thị Bạch T và ông Hồ Hữu H đều yêu cầu Tòa án không công nhận là vợ chồng là phù hợp, nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận.

Do vậy, tuyên bố bà Lại Thị Bạch T và ông Hồ Hữu H không phải là vợ chồng phù hợp với quy định tại Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống với nhau giữa bà Lại Thị Bạch T và ông Hồ Hữu H có 04 con chung là: Cháu Hồ Hữu C, sinh năm 1993; Cháu Hồ Thị Hương D, sinh năm 1994; Cháu Hồ Thị Hương Q, sinh năm 1996; Cháu Hồ Thị Mỹ U, sinh năm 1999. Tuy nhiên, hiện nay các con của bà T và ông H đều đã trưởng thành, không có bị hạn chế, mất năng lực hành vi dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: bà Lại Thị Bạch T và ông Hồ Hữu H không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Lại Thị Bạch T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 220; khoản 1 Điều 227; Điều 228;

Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 14; Điều 15 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Căn cứ mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.
- Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu không công nhận là vợ chồng của bà Lại Thị Bạch T.

Tuyên bố: Không công nhận quan hệ giữa bà Lại Thị Bạch T và ông Hồ Hữu H là vợ chồng.

- Về con chung: Hiện Hồ Hữu C, Hồ Thị Hương D; Hồ Thị Hương Q; Hồ Thị Mỹ U, đều trên 18 tuổi và không bị mất năng lực hành vi dân sự, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét để giải quyết.

*** Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:** Bà Lại Thị Bạch T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà Lại Thị Bạch T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0012094, ngày 25/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- UBND phường Tân Lập;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Y Kam Ênuôl